

Số: 153/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 331/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần N, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 046098003359. cấp ngày 30/11/2023, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường T (trước đây là phường TB, quận Th), thành phố Huế;

Bị đơn: Chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1999; căn cước công dân số: 046199007455. cấp ngày 21/01/2025, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường T (trước đây là phường TB, quận Th), thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần N và chị Lê Thị Trà M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Anh Trần N và chị Lê Thị Trà M có 02 con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh N1, sinh ngày 10/8/2019 và Trần Ngọc Quỳnh N2, sinh ngày 23/5/2023. Hiện nay, cháu Quỳnh N1 đang ở cùng với anh N, cháu Quỳnh N2 đang ở cùng chị M.

Giao cháu Trần Ngọc Quỳnh N1 cho anh Trần N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Giao cháu Trần Ngọc Quỳnh N2 cho chị Lê Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Anh N và chị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung*: Anh N và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Anh N và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Anh Trần N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003273 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Th, thành phố Huế (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Huế). Hoàn trả cho anh Trần N số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 1 - Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - UBND phường T
- (ĐKKH số 40 ngày 06/8/2018
Tại UBND xã TB cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh